

Bản án số: **313/2018/DS-ST**
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận;
2. Ông Lê Huỳnh Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2017/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX-ST ngày 27/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2018/QĐST-DS ngày 25/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2018/QĐST-DS ngày 19/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Địa chỉ: Đường L, Phường B, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, Giấy ủy quyền số 16212/2018/UQ-VPB ngày 13/7/2018.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thành N, sinh năm 1988.

(Vắng mặt lần 3 không có lý do)

Địa chỉ: Đường P, Phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2017 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V Bank) cho ông Trần Thành N vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015, số tiền vay: 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Mục đích vay: hỗ trợ tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên; lãi suất vay trong hạn: 30%/năm, lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016, số tiền vay: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; Mục đích vay: hỗ trợ tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên; lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 28%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần vào các ngày 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm với biên độ điều chỉnh là 20%/năm.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-002700 mở ngày 03/02/2016, hạn mức 13.000.000 đồng, lãi suất thẻ 35,88%/năm, điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Ngày 17/9/2015 V Bank đã giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản 65.000.000 đồng và ngày 25/3/2016 giải ngân 50.000.000 đồng vào cùng tài khoản số 87228568 của ông Trần Thành N tại V Bank.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Thành N chỉ trả một phần nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015, nợ gốc đã trả: 8.513.837 đồng.

Sau đó, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. V Bank đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông N trả nợ nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Trần Thành N trả cho V Bank số tiền còn nợ của ba hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015: 114.765.092 (một trăm mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm chín mươi hai) đồng. Trong đó, nợ gốc 56.486.163 đồng; lãi trong hạn: 1.439.727 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 56.839.202 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi lãi suất chỉ tính lãi suất 26,6%/năm từ lúc giải ngân cho đến khi khách hàng trả dứt nợ gồm: nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 47.011.806 đồng (lãi trong hạn là 1.182.222 đồng; lãi quá hạn là 45.829.584 đồng). Tổng cộng là: 97.011.806 (chín mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn tám trăm lẻ sáu) đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-002700 mở ngày 03/02/2016: 27.515.017 đồng, trong đó nợ gốc là 12.569.818 đồng, lãi trong hạn 323.421 đồng, lãi quá hạn 14.621.778 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Thành N nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý

kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục nhưng vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc ông Trần Thành N phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của 03 hợp đồng là 119.055.981 đồng; Về nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể kể từ ngày ông N vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Thành N phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Mặt khác, bị đơn cư trú tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, sao kê tài khoản, thông báo cho vay xác định ông Trần Thành N có vay của V Bank và đã nhận đủ tiền.

- Hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015: Ông N vay 65.000.000 đồng. Kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm xét xử, ông Trần Thành N mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.458.000 đồng gồm: 8.513.837 đồng nợ gốc và tiền lãi là 10.944.163 đồng. Từ tháng 5/2016, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng là 56.486.163 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016: Ông N vay 50.000.000 đồng. Kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm xét xử, ông Trần Thành N chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn điều chỉnh lãi suất từ 28%/năm với biên độ điều chỉnh là 20%/năm thành 26,6%/năm từ thời điểm bắt đầu tính lãi cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có lợi cho bị đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên V Bank là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không

trái pháp luật.

Căn cứ tại Hợp đồng tín dụng và thông báo cho vay thì lãi suất cho vay của hợp đồng số 4554513 ngày 17/9/2015 là 30%/năm và lãi suất quá hạn là 45%/năm. Từ tháng 5/2016 ông N không thanh toán các khoản lãi phí nào khác nên ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn từ ngày 18/5/2016. Hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016 là 26,6%/năm và lãi suất quá hạn là 39,9%/năm. Ông N chưa thanh toán bất kỳ các khoản lãi phí nào của hợp đồng này nên ngân hàng chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn từ ngày 26/4/2016.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-002700 mở ngày 03/02/2016: Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng thì ông Trần Thành N cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu mọi trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan đến việc sử dụng thẻ do Ngân hàng cấp. Theo đó ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng. Tại các bản sao kê hoạt động của khách hàng do Ngân hàng cung cấp, thẻ hiện ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 12.569.818 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên ngân hàng đã tiến hành gửi thông báo nhắc nợ do đó có cơ sở xác định ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 12.569.818 đồng.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng của V Bank, biểu phí thẻ tín dụng visa, Quyết định số 134/2016/QĐ-TGD ngày 24/02/2016 có hiệu lực từ ngày 01/3/2016 thì lãi suất phát sinh dư nợ của chủ thẻ tín dụng Visa là 29,88%/năm và từ tháng 10/2016 thì lãi suất là 35,88%/năm theo Quyết định số 746/2016/QĐ-TGD ngày 07/9/2016 của V Bank. Xét thấy đến kỳ hạn trả nợ, phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn tại Điều 4.2 của Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng của V Bank. Từ những cơ sở trên chấp nhận buộc bị đơn ông Trần Thành N trả nợ gốc và tiền lãi quá hạn của Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-002700 mở ngày 03/02/2016 tạm tính đến ngày 31/7/2018 là 14.945.199 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thành N phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015: 114.765.092 đồng. Trong đó, nợ gốc 56.486.163 đồng; lãi trong hạn: 1.439.727 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 56.839.202 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016: 97.011.806 đồng. Trong đó, nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.182.222 đồng; lãi tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 45.829.584 đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-B-002700 mở ngày 03/02/2016: 27.515.017 đồng, trong đó nợ gốc là 12.569.818 đồng, lãi trong hạn 323.421 đồng, lãi quá hạn 14.621.778 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Trần Thành N phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 239.291.915 đồng. Cụ thể bị đơn phải chịu án phí là:

11.964.596 (mười một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi sáu) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.000.401 (năm triệu bốn trăm lẻ một) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Buộc ông Trần Thành N trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ của các hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 4554513 ngày 17/9/2015: 114.765.092 đồng. Trong đó, nợ gốc 56.486.163 đồng; lãi trong hạn: 1.439.727 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 56.839.202 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6711666 ngày 25/3/2016: 97.011.806 đồng. Trong đó, nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.182.222 đồng; lãi tạm tính đến ngày 31/7/2018 là: 45.829.584 đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-B-002700 mở ngày 03/02/2016: 27.515.017 đồng, trong đó nợ gốc là 12.569.818 đồng, lãi trong hạn 323.421 đồng, lãi quá hạn 14.621.778 đồng.

Ông Trần Thành N tiếp tục phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 01/8/2018 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4554513 và hợp đồng thẻ tín dụng số 325-B-002700 cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với hợp đồng tín dụng số 6711666 thì áp dụng mức lãi suất là 26,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

2. Về án phí: Ông Trần Thành N phải chịu án phí sơ thẩm là: 11.964.596 (mười một triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi sáu) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.000.401 (năm triệu bốn trăm lẻ một) đồng theo biên lai thu số 0001961 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh